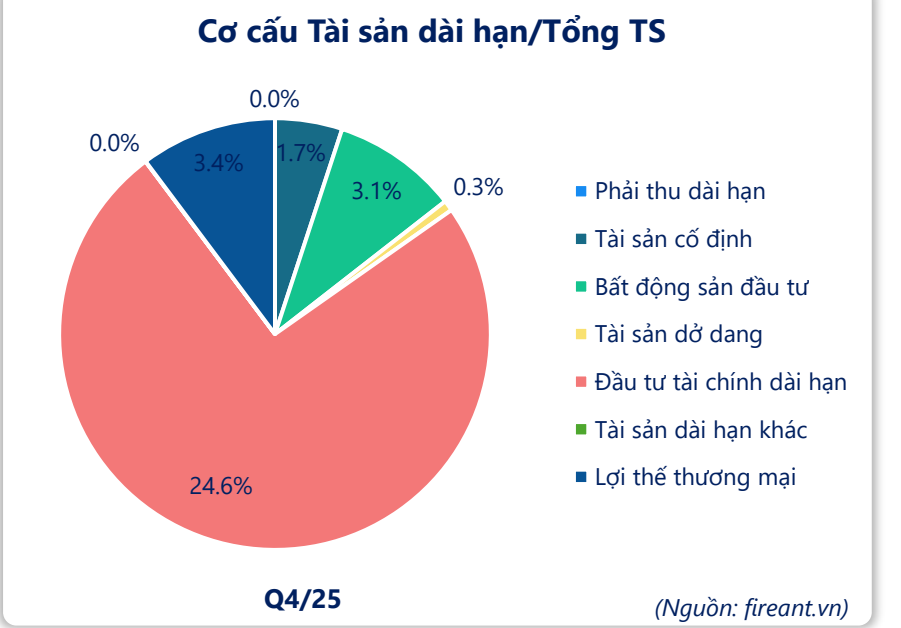
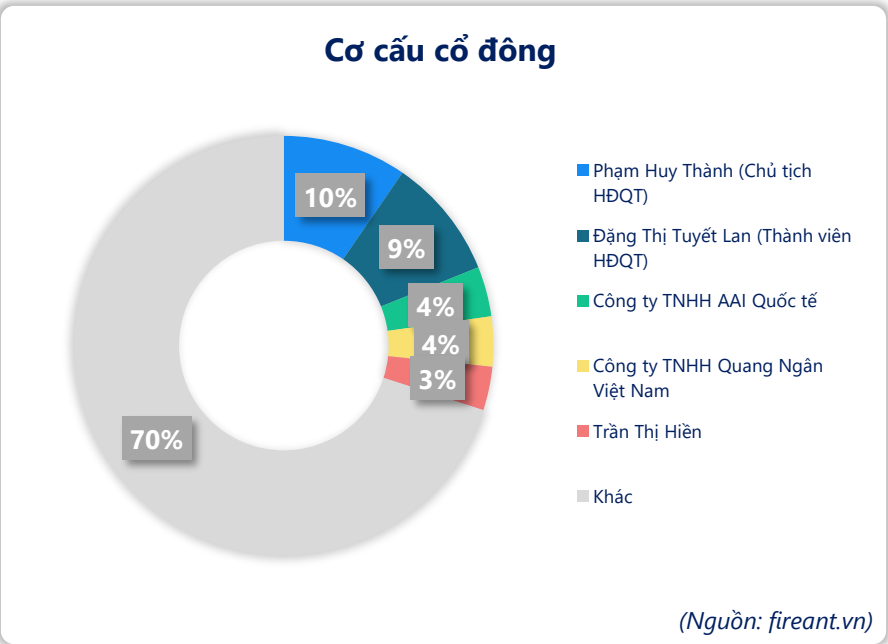
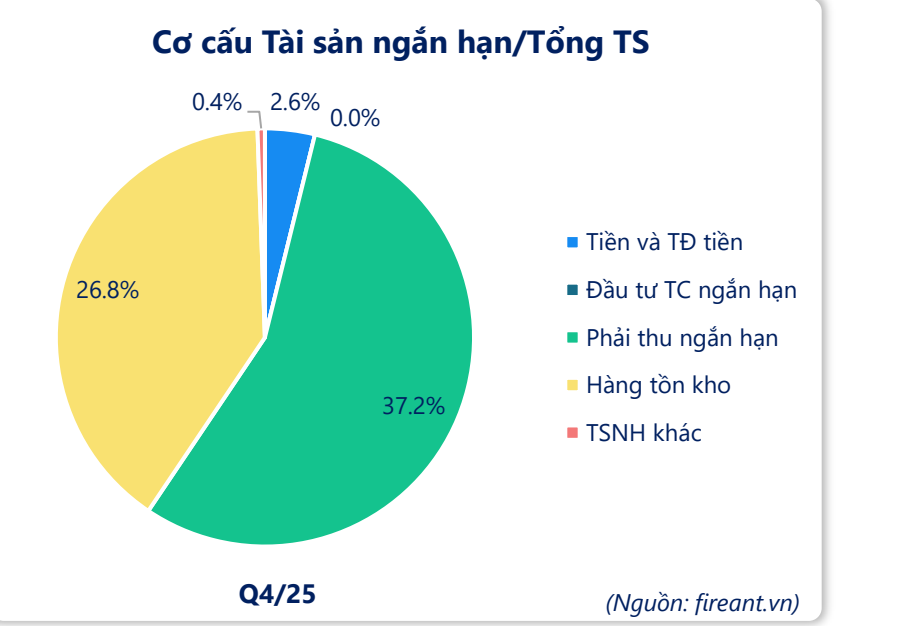
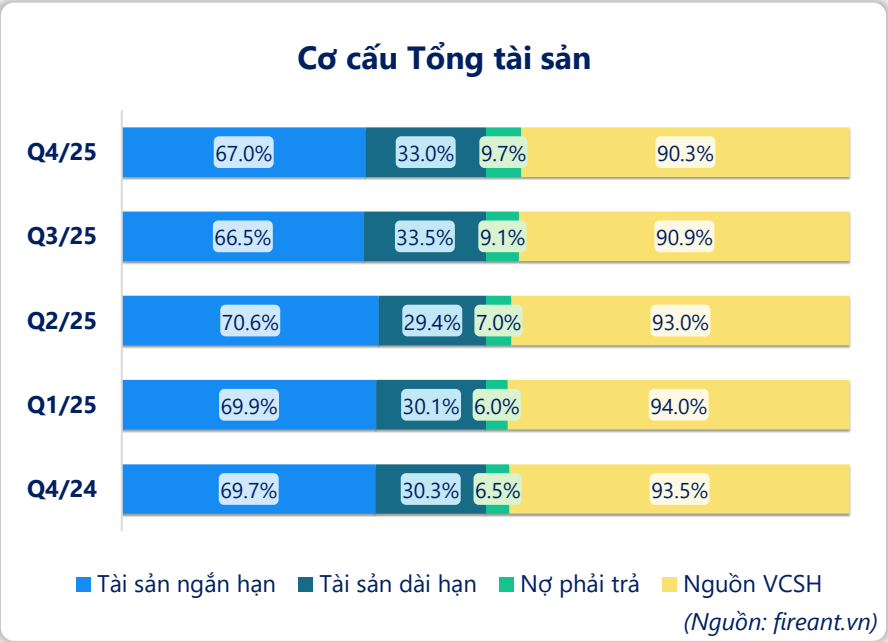
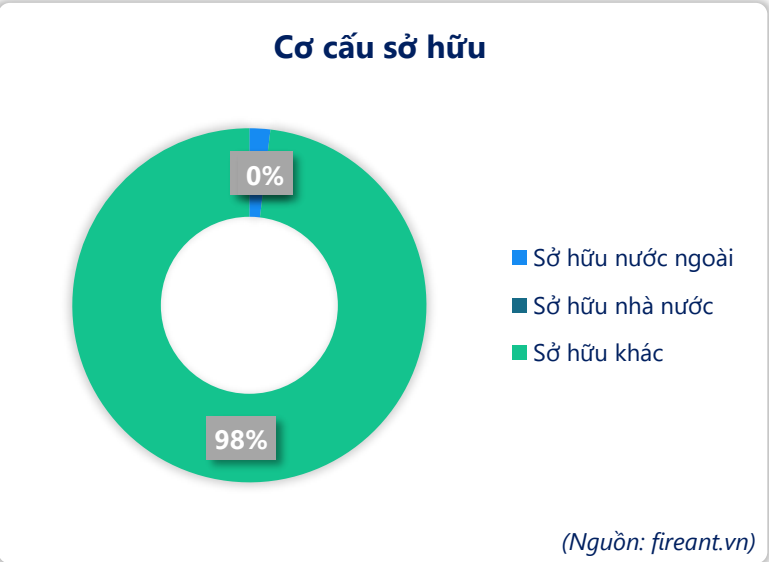
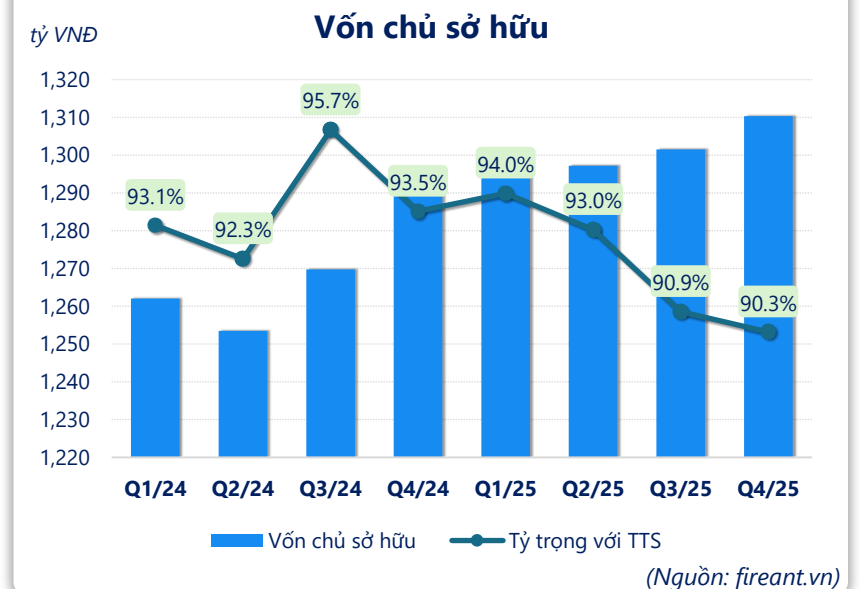
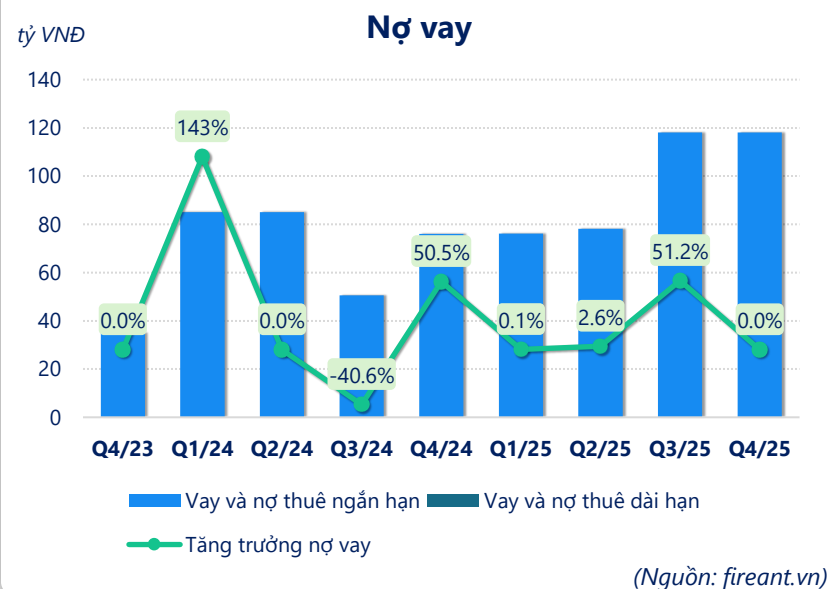
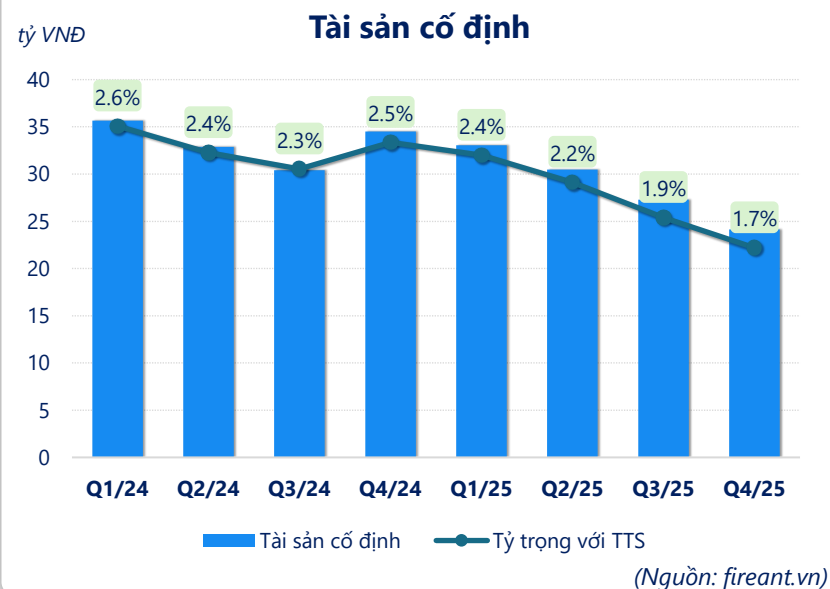
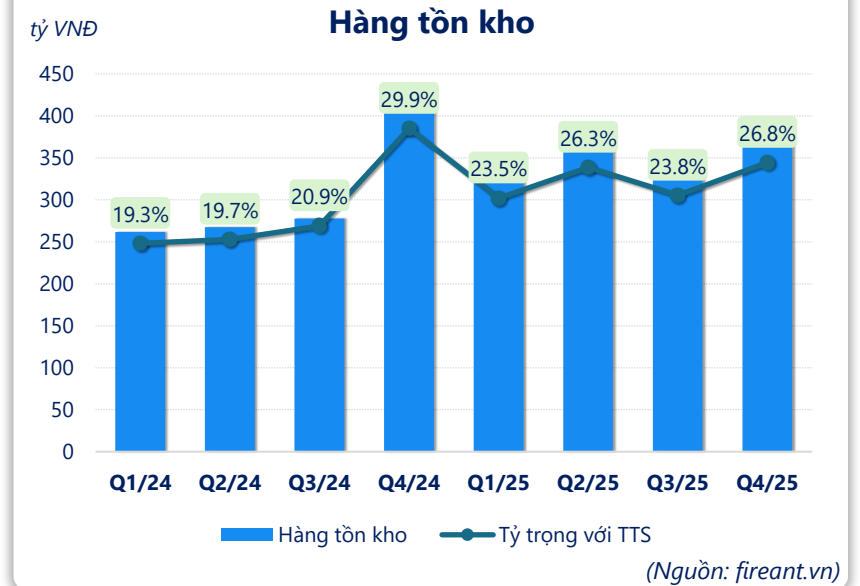
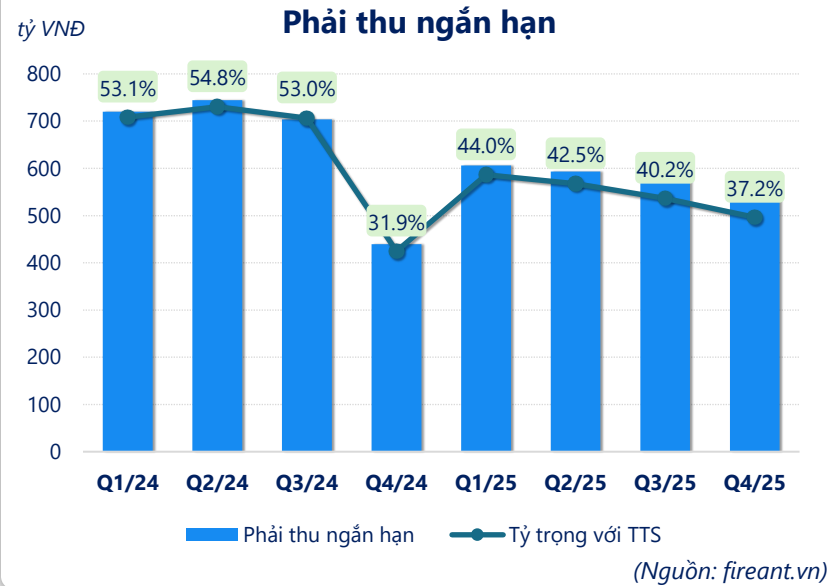
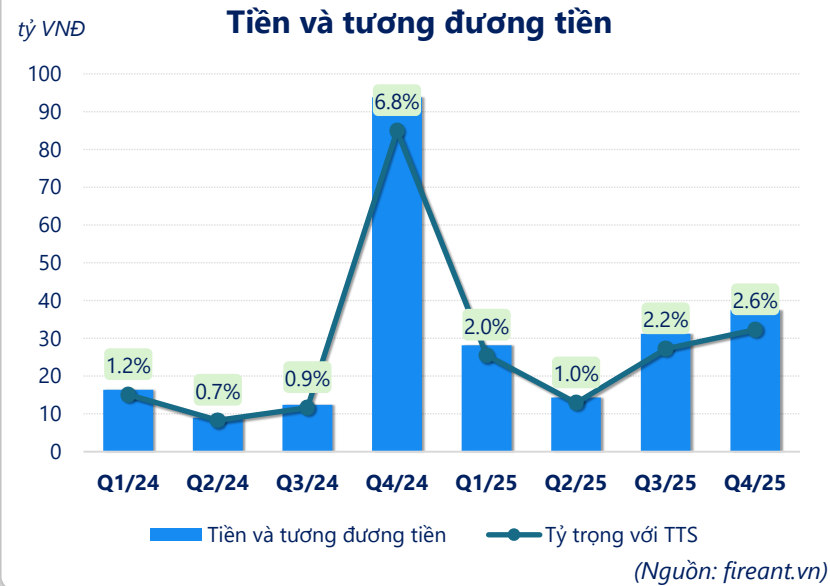
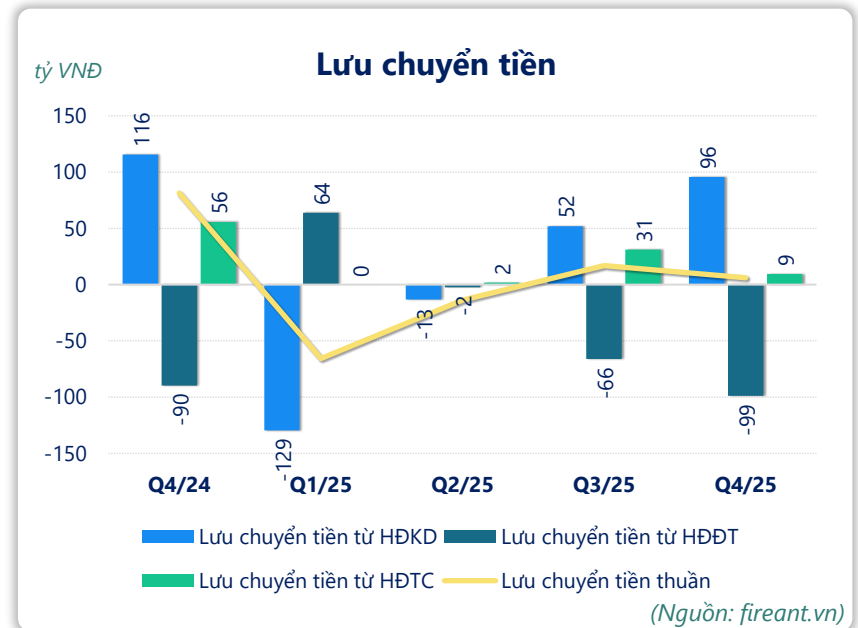
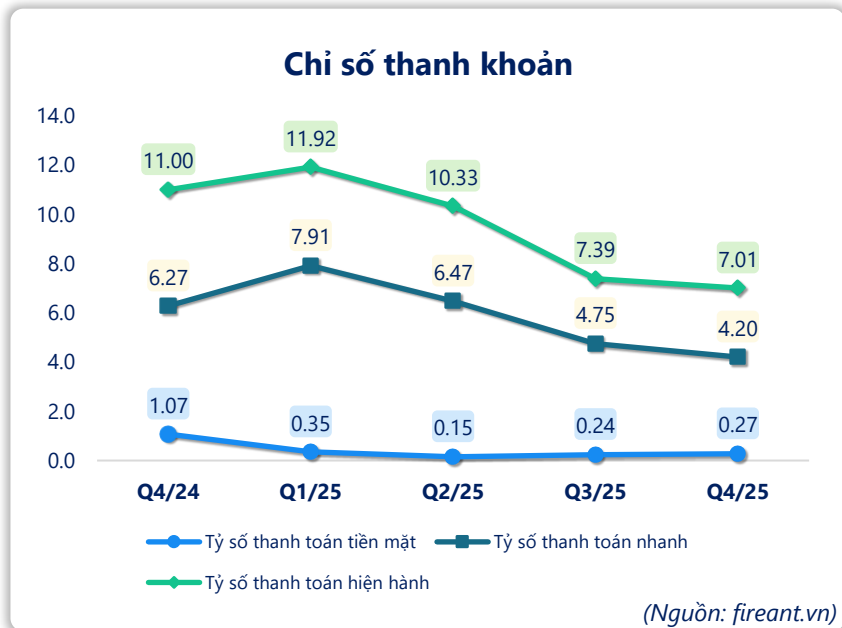
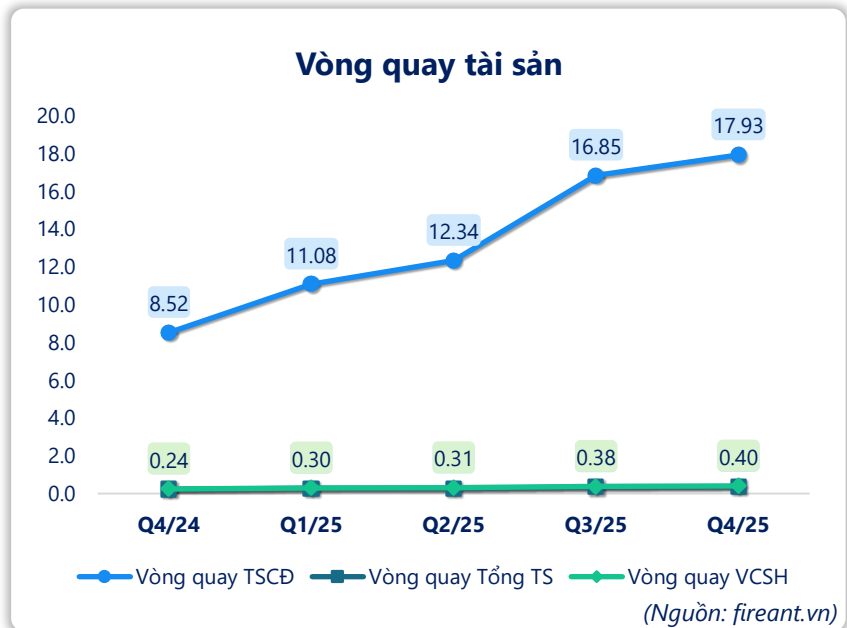
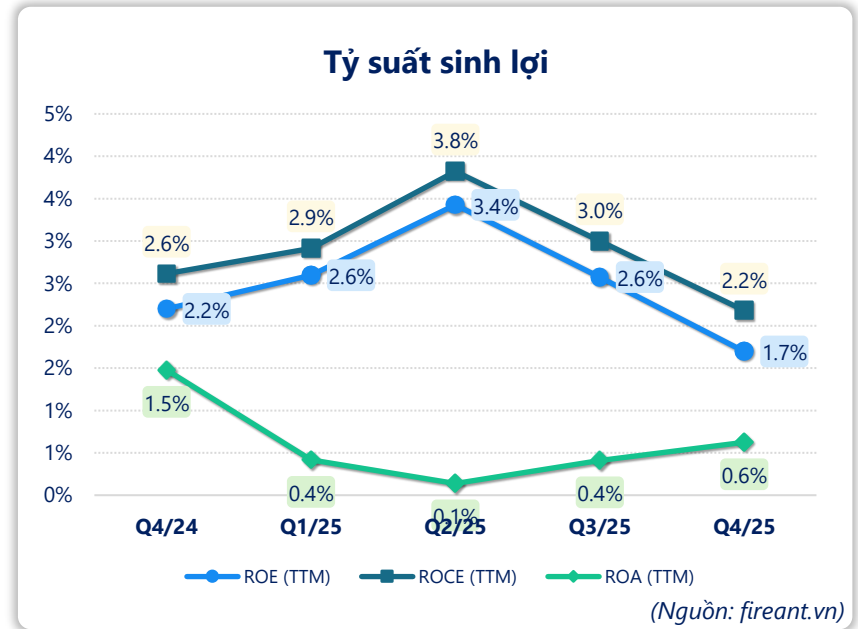
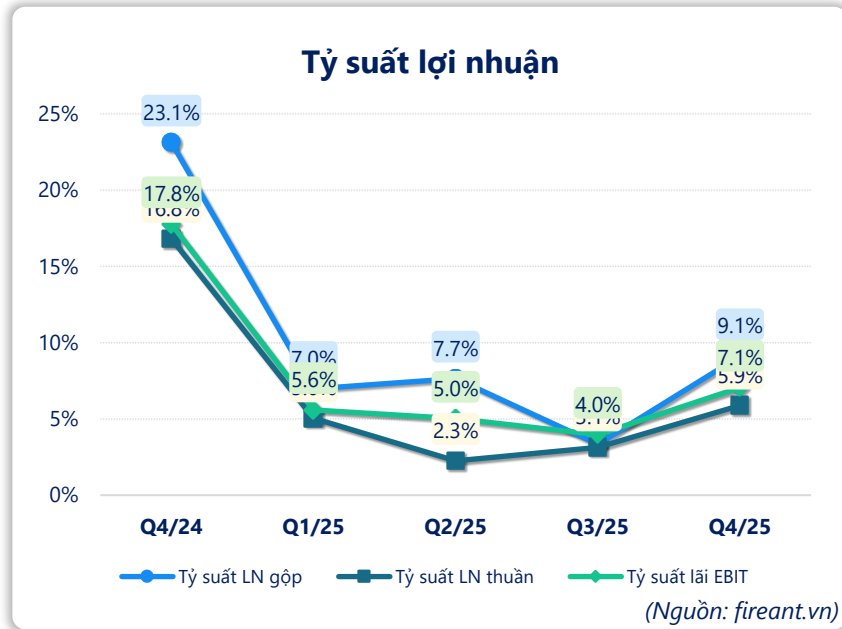
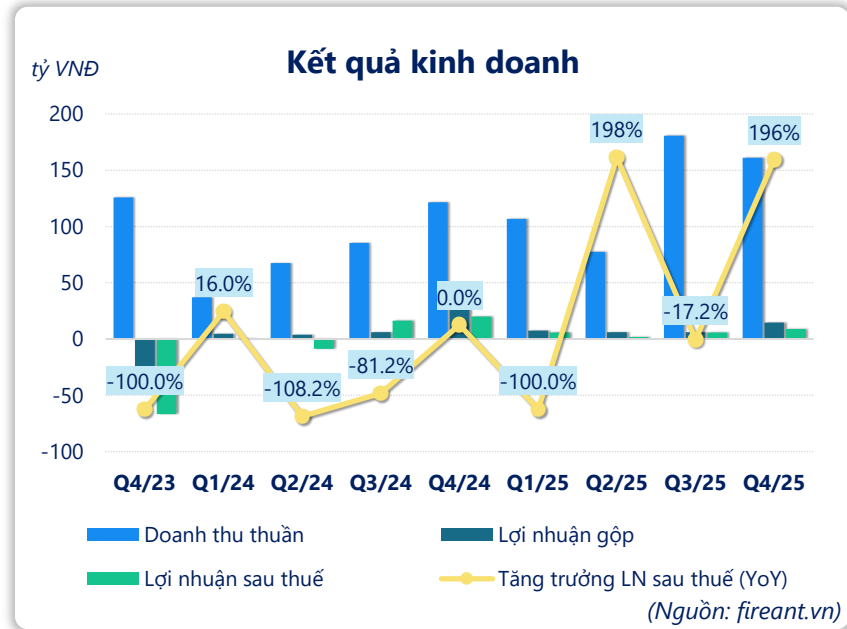


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
SL cổ phiếu LH		120,218,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)		218,755
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		373
P/E		16.9
EPS		183

	YTD	1T	3T	6T
MBG	-8.8%	-8.8%	-13.9%	-6.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,451	1,379	5.2%
Tài sản ngắn hạn	972	962	1.0%
Tiền và tương đương tiền	37.4	93.8	-60.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.10	-100%
Phải thu ngắn hạn	540	439	22.9%
Hàng tồn kho	389	413	-5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	5.54	14.0	-60.5%
Tài sản dài hạn	479	418	14.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.1	34.5	-30.0%
Bất động sản đầu tư	45.1	46.8	-3.5%
Tài sản dở dang	3.79	29.4	-87.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	357	252	41.5%
Tài sản dài hạn khác	0.08	0.10	-20.7%
Lợi thế thương mại	49.0	54.5	-10.0%
Nợ phải trả	140	89.5	57.0%
Nợ ngắn hạn	139	87.5	58.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	76.0	55.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.2	7.73	110%
Nợ dài hạn	1.72	1.97	-12.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,310	1,290	1.6%
Vốn chủ sở hữu	1,310	1,290	1.6%
Vốn điều lệ	1,202	1,202	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	121	107	77.4	181	161
Giá vốn hàng bán	93.3	99.2	71.5	175	146
Lợi nhuận gộp	28.1	7.44	5.92	6.04	14.7
Doanh thu HĐTC	0.18	0.24	0.10	0.81	0.09
Chi phí TC	0.98	1.00	1.26	1.38	1.90
Chi phí lãi vay	0.98	0.35	1.90	1.38	1.90
LN trong công ty LKLD	2.08	0.11	-0.42	2.06	0.87
Chi phí bán hàng	0	0	0	0.00	0.11
Chi phí QLDN	8.93	1.41	2.60	1.86	4.16
LN thuần từ HĐKD	20.4	5.38	1.75	5.67	9.47
Lợi nhuận khác	0.18	0.23	0.24	0.11	0.00
LN trước thuế	20.6	5.61	1.98	5.78	9.46
Lợi nhuận sau thuế	19.9	5.67	1.91	5.67	8.84
LNST của CĐ cty mẹ	19.9	5.68	1.90	5.66	8.82

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	116	-129	-13.3	52.0	95.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-89.7	63.7	-2.39	-66.1	-98.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	55.6	0.11	1.98	31.0	9.40
Tiền đầu kỳ	12.4	93.8	28.1	14.4	31.2
Lưu chuyển tiền thuần	81.4	-65.6	-13.8	16.8	6.24
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	93.8	28.1	14.4	31.2	37.4

(Nguồn: fireant.vn)